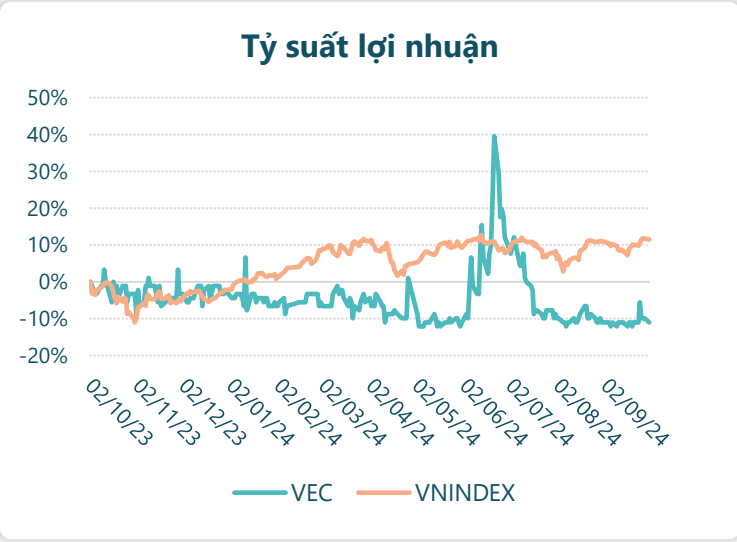


Ngày	8,100 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-19.0%	-4.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,000 - 12,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	355
Số lượng CPLH (CP)	43,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,805
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.46
EPS	-2
P/E	-4479.7



Doanh thu thuần
Q3/24

70.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.10 | 6.2%

YoY: ▲ 1.20 | 1.8%

Nợ/VCSH
Q3/24

42.8%

YoY: +/-▲ 3.3%

LN gộp
Q3/24

28.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.60 | -5.3%

YoY: ▼3.10 | -9.8%

ROE (TTM)
Q3/24

0.0%

YoY: +/-▼ 0.4%

LN trước thuế
Q3/24

-1.72

tỷ VNĐ

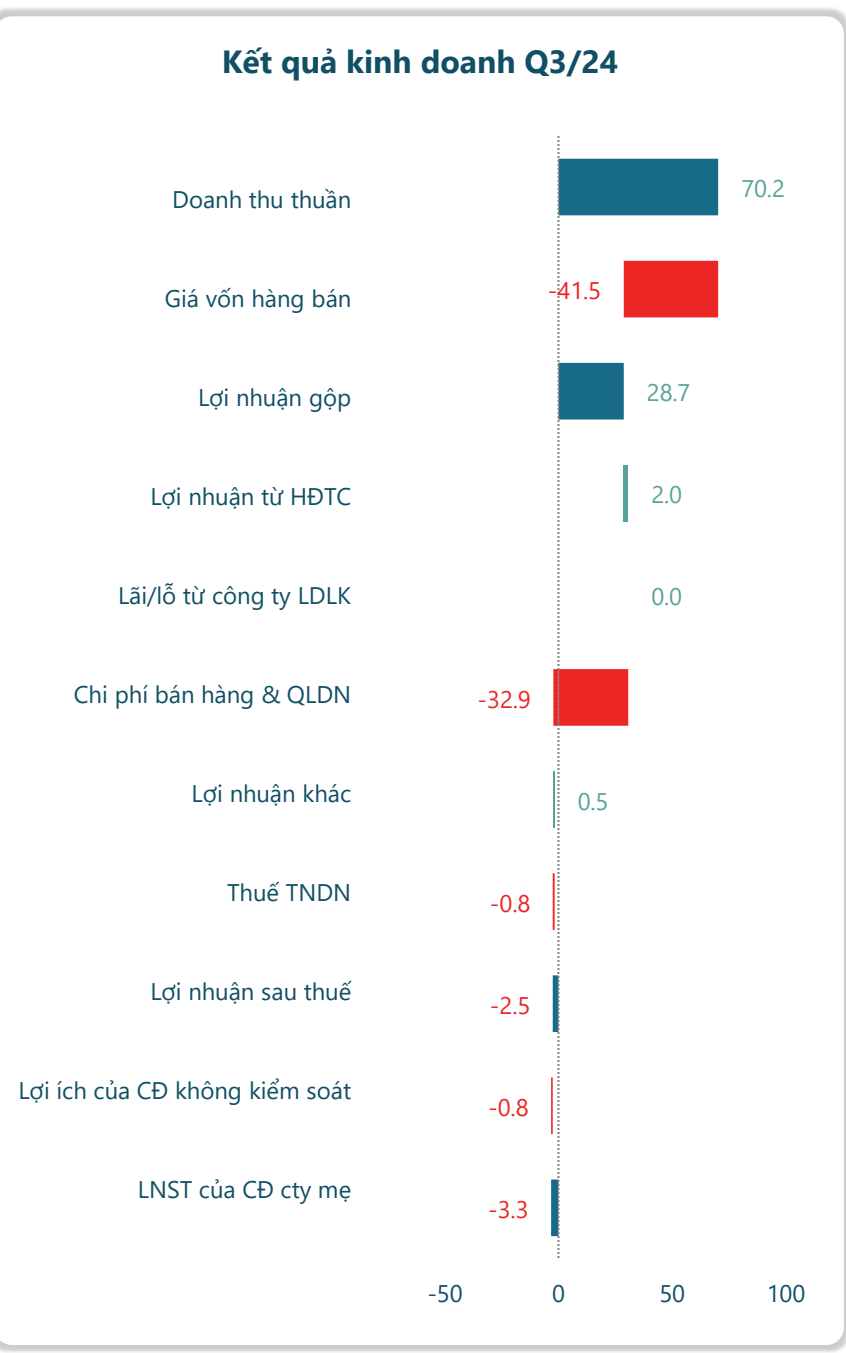
QoQ: ▼0.21 | -14.1%

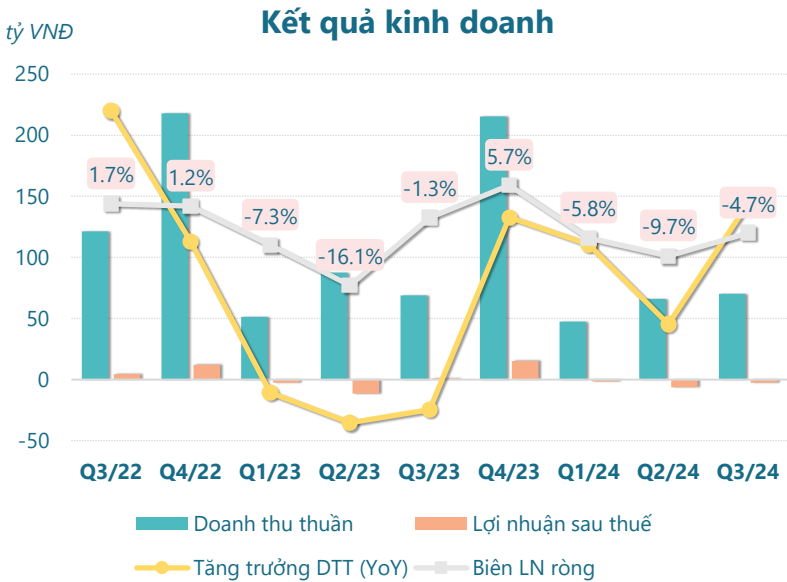
YoY: ▼4.14 | -171%

ROA (TTM)
Q3/24

0.0%

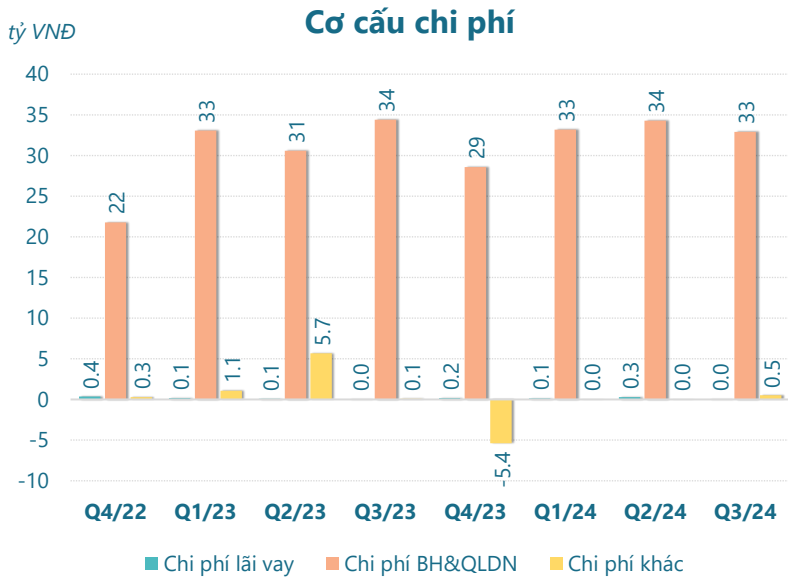
YoY: +/-▼ 0.3%





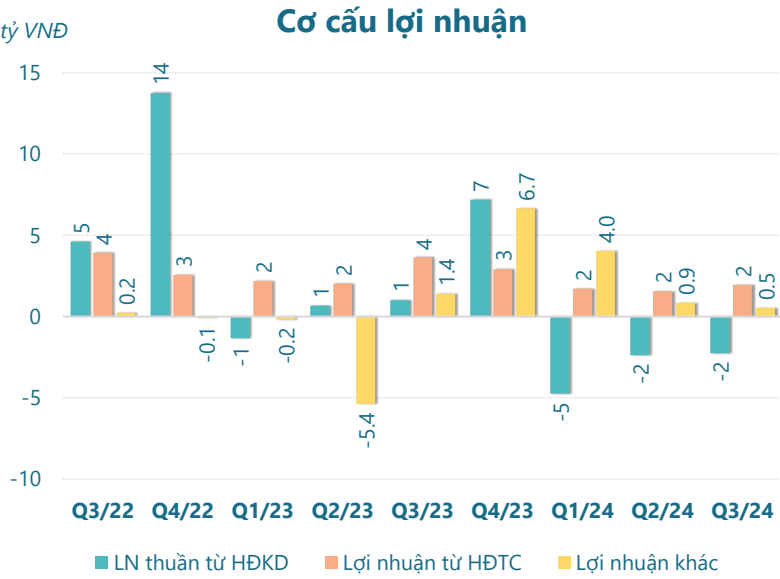
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** tăng thêm 0.11 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 324% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 1.96 tỷ đồng**, tăng thêm 25.6% so với kỳ trước và thấp hơn 46.2% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.54 tỷ đồng**, giảm đi 37.2% so với kỳ trước và thấp hơn 61.7% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **VEC** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **70.22 tỷ đồng** tăng thêm **1.83%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 2.50 tỷ đồng**, giảm sút **321%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **184.0 tỷ đồng** thấp hơn 11.5% so với cùng kỳ năm trước, **Lũy kế 9 tháng** đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **184.0 tỷ đồng** thấp hơn 11.5% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ -10.00 tỷ đồng** tăng thêm



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.04 tỷ đồng** giảm đi 84.6% so với kỳ trước và cao hơn 33.3% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **32.91 tỷ đồng** giảm đi 4.05% so với kỳ trước và thấp hơn 4.36% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.50 tỷ đồng** tăng thêm 2400% so với kỳ trước và cao hơn 400% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	70.2	66.1	6.2%	69.0	1.8%	184	208	-11.5%
Giá vốn hàng bán	41.5	35.7	16.4%	37.2	11.7%	98.1	114	-13.6%
Lợi nhuận gộp	28.7	30.3	-5.3%	31.8	-9.8%	85.7	94.2	-9.0%
Doanh thu HĐTC	2.05	1.94	5.7%	3.71	-44.7%	5.85	8.32	-29.7%
Chi phí TC	0.09	0.37	-76.1%	0.07	26.4%	0.60	0.44	36.2%
Chi phí lãi vay	0.04	0.26	-83.1%	0.03	46.3%	0.45	0.25	79.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.05	-100%	0.00		0.05	-3.67	101%
Chi phí bán hàng	12.8	12.9	-0.5%	14.7	-12.7%	38.3	40.3	-5.0%
Chi phí QLDN	20.1	21.4	-6.2%	19.7	1.9%	62.1	57.7	7.6%
LN thuần từ HĐKD	-2.26	-2.37	4.5%	1.01	-324%	-9.38	0.35	-2791%
Lợi nhuận khác	0.54	0.86	-37.2%	1.41	-61.7%	5.44	-4.14	231%
LN trước thuế	-1.72	-1.51	-14.1%	2.42	-171%	-3.94	-3.79	-3.8%
Lợi nhuận sau thuế	-2.50	-6.27	60.1%	1.13	-322%	-10.3	-12.9	20.1%
LNST của CĐ cty mẹ	-3.29	-6.39	48.5%	-0.90	-266%	-12.4	-18.8	33.8%

